

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HS-ST

Ngày: 07-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thúy Hà**.

2. Ông **Lò Văn Ngắm**.

T ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Tuấn Ngọc** - T ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện M mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HS, ngày 21 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS, ngày 27/10/2022 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Lò Ngọc T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 2001, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản M, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản Tin Tốc, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 07/12; Bố đẻ: Lò Văn D sinh năm 1982 và mẹ đẻ Lò Thị L sinh năm 1982; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: 01 tiền án, ngày 24/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 12 tháng tù theo bản án số 53/2020/HSST về tội “Trộm cắp tài sản. Đến ngày 07/7/2021 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; Nhân thân: Đã bị kết án; Chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Lò Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 2003, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản P, xã Đ, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 09/12; Bố đẻ: Lò Văn M (Đã chết) và mẹ đẻ Lò Thị H sinh năm 1987; Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; Chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn N:** Ông Hoàng Tiến N - là Luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

* **Người bào chữa cho bị cáo Lò Ngọc T:** Bà Triệu Thị H – là Luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Họ và tên: Lò Việt L, sinh năm 2005, nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

Người đại diện cho Lò Việt L: Bà Lò Thị L1, sinh năm 1982, nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Họ và tên: Lò Thị Vân A, sinh năm 2006, nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

Người đại diện cho Lò Thị Vân A: Bà Lò Thị Đ, sinh năm 1985, nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, các bị cáo Lò Văn N và Lò Ngọc T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 26/7/2022, Lò Ngọc T và Lò Văn N cùng nhau đi chơi điện tử ở quán nét tại tổ dân phố R, thị trấn M, huyện M. Do lên cơn nghiện chất ma túy nên T rủ N cùng nhau góp tiền mua ma túy sử dụng, N đồng ý góp 150.000 đồng, T góp 150.000 đồng. Sau đó T mượn xe gắn máy, nhãn hiệu Wave, màu sơn trắng, biển kiểm soát 27AA-078.92 của Lò Việt L, sinh năm 2005 (là em trai của T) chở N đi mua ma túy, khi đến quán tạp hóa tại bản H, thị trấn M thì T bảo N xuống đó chờ còn T tiếp tục đi cách khoảng 20 mét thì gặp một người đàn ông dân tộc Thái không quen biết, qua trao đổi T nhờ người đàn ông đó mua hộ 18 viên Methamphetamine với giá 300.000 đồng. Mua được ma túy T quay lại bảo với N đã mua được ma túy rồi cả hai cùng quay lại quán nét tại tổ dân phố 4, thị trấn M thì gặp tổ công tác Công an thị trấn M yêu cầu dừng xe kiểm tra phát hiện trong lòng bàn tay trái của Lò Ngọc T có 01 gói nilon màu hồng bên trong chứa 18 viên Methamphetamine có tổng khối lượng 1,71 gam.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 26/7/2022 của Công an huyện M và Kết luận giám định số 1086/KL-KTHS, ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Ngọc T và Lò Văn N là 1,71 gam
- Mẫu các viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Ngọc T và Lò Văn N gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 80/CT-VKS-MA ngày 20/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M để xét xử các bị cáo Lò Văn N và Lò Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lò Văn N và Lò Ngọc T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Lò Văn N từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt Lò Ngọc T từ 01 năm 10 tháng đến 02 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* **Về vật chứng:** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu đề tiêu hủy 1,52 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

* **Án phí:** Bị cáo Lò Văn N và Lò Ngọc T đều thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Lò Văn N, Lò Ngọc T đều nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội đúng pháp luật; Bản thân các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo Lò Văn N và Lò Ngọc T thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Các bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng, bản luận tội của VKSND huyện M cũng như bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo N và các bị cáo không có tranh luận gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu đề nghị gì đối với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn N và Lò Ngọc T đã khai và công nhận: Hồi 10 giờ 30 phút ngày 26/7/2022 tại đoạn đường thuộc tổ dân phố R, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên, Lò Ngọc T và Lò Văn N đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,71 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng. Lời khai nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số

80/CT-VKS-MA, ngày 20/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; các bị cáo tàng trữ trái phép 1,71 gam Methamphetamine đủ định lượng buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*”

...c) ...*Methamphetamine*..., có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam”.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lò Ngọc T là người khởi xướng chủ mưu và là người bỏ số tiền 150.000 đồng sau đó trực tiếp đi mua ma túy nên phải chịu hình phạt cao hơn, còn bị cáo Lò Văn N là người góp số tiền 150.000 đồng cho T để T mua ma túy về sử dụng nên chịu hình phạt thấp hơn.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lò Văn N và Lò Ngọc T được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên, bị cáo N được học đến lớp 9/12, bị cáo T được học đến lớp 7/12, lớn lên lao động sản xuất cùng gia đình. Bị cáo N chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Lò Ngọc T đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản (Theo bản án số 53/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên) đến ngày 07/7/2021 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống (Chưa xóa án tích). Các bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý mua và tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của

BLHS năm 2015 cho các bị cáo. Bị cáo Lò Văn N không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015; Bị cáo Lò Ngọc T có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/7/2021, đến ngày phạm tội chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 .

Các bị cáo với nghề nghiệp làm nông nghiệp, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế và thuộc diện hộ nghèo. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với đối tượng người đàn ông dân tộc Thái đã mua hộ Methamphetamine cho các bị cáo, do không rõ nhân thân lai lịch nên không có căn cứ xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Lò Việt L là người đã cho bị cáo Lò Ngọc T mượn xe máy nhưng L không biết mục đích mượn xe của T để làm phương tiện mua ma túy nên không xem xét xử lý. Chiếc xe mà L cho bị cáo T mượn bị thu giữ nhưng Cơ quan CSĐT đã trả lại cho Lò Văn L, L không yêu cầu đề nghị gì đối với các bị cáo. Tại phiên tòa bà Lò Thị L1 (mẹ cháu L) trình bày: Chiếc xe mà Cơ quan điều tra trả lại cho cháu L gia đình đã trả lại cho cháu Lò Thị Vân A, bà L1 không có ý kiến gì khác.

- Đối với Lò Thị Vân A là người cho Lò Việt Lg mượn xe, Lò Thị Vân A yêu cầu xin lại xe, ngoài ra không có yêu cầu đề nghị gì khác.

[7] Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy 1,52 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

Chấp nhận việc trả lại vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M và cháu Lò Việt L sinh năm 2005 (Người đại diện là chị Lò Thị L1, sinh năm 1982) đều trú tại bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên theo Quyết định xử lý vật chứng số 32/QĐXLVC, ngày 06/9/2022 (*vật chứng là 01 chiếc xe máy, màu sơn trắng, biển kiểm soát 27AA-078.92*).

[8] Án phí: Bị cáo T và bị cáo N đều thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST cho các bị cáo.

[9] Các bị cáo, đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Quyết định truy tố của VKSND huyện M; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[11] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn N và Lò Ngọc T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Lò Văn N 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (Ngày 26/7/2022).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt Lò Ngọc T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (Ngày 26/7/2022).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu để tiêu hủy 1,52 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định. (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi Cục thi hành án dân sự huyện M lập ngày 21/10/2022*).

- Chấp nhận việc trả lại vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M và cháu Lò Việt L sinh năm 2005 (Người đại diện là chị Lò Thị L1, sinh năm 1982) đều trú tại bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên theo Quyết định xử lý vật chứng số 32/QĐXLVC, ngày 06/9/2022 (*vật chứng là 01 chiếc xe máy, màu sơn trắng, biển kiểm soát 27AA-078.92*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST cho bị cáo Lò Ngọc T và Lò Văn N.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07/11/2022).

- Người đại diện cho anh Lò Việt L có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh L trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.M;
- Công an h.M;
- Chi cục THADS h.M;
- Bị cáo;
- Đương sự; Người đại diện cho đương sự;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

